

Số: **1094/2020/QĐST-HNGĐ**

*B, ngày 10 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1662/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1978

Địa chỉ: G81, tổ 6, KP7, P. L, TP. B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: G81, tổ 6, KP7, P. L, TP. B, tỉnh Đồng Nai

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1978 và bà Trương Thị T, sinh năm 1986

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có hai cháu Nguyễn Ngọc Lê, sinh ngày 14/11/2008 và Nguyễn Đức Nam, sinh ngày 29/6/2015. Ly hôn, các bên thống nhất giao cháu Nam cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lê cho ông D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Ông D, bà T có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức D và bà Trương Thị T mỗi người phải nộp 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng do ông Đông tự nguyện chịu toàn bộ các loại án phí, do đó: Ông Nguyễn Đức D phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009807 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi Cục thi hành án dân sự TP. B. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức D số tiền 150.000đồng còn dư.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phan Thị Thu Thương**